LỊCH HỌC THỰC HÀNH

TUẦN: ***12*** ***Từ ngày:*** ***28/11/2022*** ***đến ngày:*** ***04/12/2022***

ĐƠN VỊ: KHOA ĐIỆN TỬ

TT	Bộ môn	Hệ	Khóa	Mã lớp	Tên nhóm	Tổng số nhó	SL HS-SV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - Phòng học														Giảng viên	Link học trực tuyến
									Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật			
									Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
1	KTĐT	ĐH	15	20221FE6050001	1	3	23	Kỹ thuật Đo Lường Điện tử (phần TH)					1	1401A1									Lê Mạnh Long	
2	KTĐT	ĐH	15	20221FE6050001	2	3	23	Kỹ thuật Đo Lường Điện tử (phần TH)					2	1401A1									Lê Mạnh Long	
3	KTĐT	ĐH	15	20221FE6050001	3	3	23	Kỹ thuật Đo Lường Điện tử (phần TH)									1	1401A1					Lê Mạnh Long	
4	KTĐT	ĐH	15	20221FE6050002	1	3	24	Kỹ thuật Đo Lường Điện tử (phần TH)			1	1401A1											Lê Mạnh Long	
5	KTĐT	ĐH	15	20221FE6050002	2	3	23	Kỹ thuật Đo Lường Điện tử (phần TH)			2	1401A1											Lê Mạnh Long	
6	KTĐT	ĐH	15	20221FE6050002	3	3	23	Kỹ thuật Đo Lường Điện tử (phần TH)									2	1401A1					Lê Mạnh Long	
7	KTĐT	ĐH	15	20221FE6050003	1	3	23	Kỹ thuật Đo Lường Điện tử (phần TH)	1	1405A1	1	1405A1			1	1405A1	1	1405A1					Trần Xuân Phương	
8	KTĐT	ĐH	15	20221FE6050003	2	3	25	Kỹ thuật Đo Lường Điện tử (phần TH)			2	1405A1											Trần Xuân Phương	
9	KTĐT	ĐH	15	20221FE6050003	3	3	22	Kỹ thuật Đo Lường Điện tử (phần TH)			3	1405A1	3	1405A1	3	1405A1	3	1405A1					Trần Xuân Phương	
10	KTĐT	ĐH	15	20221FE6050004	1	3	23	Kỹ thuật Đo Lường Điện tử (phần TH)			1	1403A1											Nguyễn Ngọc Anh	
11	KTĐT	ĐH	15	20221FE6050004	2	3	23	Kỹ thuật Đo Lường Điện tử (phần TH)									2	1403A1					Nguyễn Ngọc Anh	
12	KTĐT	ĐH	15	20221FE6050005	1	3	23	Kỹ thuật Đo Lường Điện tử (phần TH)							2	1403A1							Nguyễn Ngọc Anh	
13	KTĐT	ĐH	15	20221FE6050005	2	3	24	Kỹ thuật Đo Lường Điện tử (phần TH)									1	1403A1					Nguyễn Ngọc Anh	
14	KTĐT	ĐH	15	20221FE6050005	3	3	23	Kỹ thuật Đo Lường Điện tử (phần TH)							1	1403A1							Nguyễn Ngọc Anh	
15	KTĐT	ĐH	16	20221FE6014002	2	3	24	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)													2	1405A1	Trần Xuân Phương	
16	KTĐT	ĐH	16	20221FE6014002	3	3	23	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)	2	1405A1											1	1405A1	Trần Xuân Phương	
17	KTĐT	ĐH	16	20221FE6014007	3	3	23	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)									1	1404A1					Hà Thị Phương	
18	KTĐT	ĐH	16	20221FE6014008	3	3	20	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)									2	1404A1					Hà Thị Phương	
19	KTĐT	ĐH	16	20221FE6014001	3	3	22	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)					2	1404A1									Hà Thị Phương	
20	KTĐT	ĐH	16	20221FE6014007	2	3	23	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)											1	1404A1			Hà Thị Phương	
21	KTĐT	ĐH	15	20221FE6014003	1	3	22	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)	1	1402A1													Lê Thị Trang	
22	KTĐT	ĐH	15	20221FE6014003	2	3	22	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)	2	1402A1													Lê Thị Trang	
23	KTĐT	ĐH	15	20221FE6014003	3	3	21	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)			1	1404A1											Lê Thị Trang	
24	KTĐT	ĐH	15	20221FE6014003	1	3	22	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)			2	1404A1											Lê Thị Trang	

TT	Bộ môn	Hệ	Khóa	Mã lớp	Tên nhóm	Tổng số nhó	SL HS-SV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - Phòng học														Giảng viên	Link học trực tuyến
									Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật			
25	KTĐT	ĐH	15	20221FE6014003	2	3	22	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)					1	1402A1									Lê Thị Trang	
26	KTĐT	ĐH	15	20221FE6014003	3	3	21	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)					2	1402A1									Lê Thị Trang	
27	KTĐT	ĐH	15	20221FE6014006	1	3	22	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)							1	1402A1							Lê Thị Trang	
28	KTĐT	ĐH	15	20221FE6014006	2	3	22	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)							2	1402A1							Lê Thị Trang	
29	KTĐT	ĐH	15	20221FE6014006	3	3	21	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)									1	1402A1					Lê Thị Trang	
30	KTĐT	ĐH	15	20221FE6014006	1	3	22	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)									2	1402A1					Lê Thị Trang	
31	KTĐT	ĐH	15	20221FE6014006	2	3	22	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)											1	1402A1			Lê Thị Trang	
32	KTĐT	ĐH	15	20221FE6014006	3	3	21	Kỹ thuật điện tử(Phần TH)											2	1402A1			Lê Thị Trang	
33	KTĐT	ĐH	14	20211FE6049001	3	3	22	XLTHS (phần TH)											1	1502A1			Đặng Cẩm Thạch	
34	KTĐT	ĐH	14	20211FE6049001	2	3	22	XLTHS (phần TH)			2	1502A1											Đặng Cẩm Thạch	
35	KTĐT	ĐH	15	20221FE6049003	3	3	23	XLTHS (phần TH)	1	1502A1													Phạm Thị Thanh Huyền	
36	KTĐT	ĐH	15	20221FE6049003	1	3	23	XLTHS (phần TH)					2	1502A1	2	1502A1							Phạm Thị Thanh Huyền	
37	KTĐT	ĐH	15	20221FE6049002	1	3	25	XLTHS (phần TH)					1	1304A1									Phạm Xuân Thành	
38	KTĐT	ĐH	15	20221FE6049002	2	3	25	XLTHS (phần TH)					2	1304A1									Phạm Xuân Thành	
39	KTĐT	ĐH	15	20221FE6049002	3	3	25	XLTHS (phần TH)	2	1304A1													Phạm Xuân Thành	
40	KTĐT	CĐ	22	20221JC5195003	3	3	22	Thực hành điện tử cơ bản					1	1403A1							1	1403A1	Nguyễn Thị Thu Hà	
41	KTĐT	CĐ	22	20221JC5195003	3	3	22	Thực hành điện tử cơ bản			2	1403A1	2	1403A1							2	1403A1	Nguyễn Thị Thu Hà	
42	KTĐT	CĐ	24	20221JC5195003	2	3	22	Thực hành điện tử cơ bản					1	1405A1									Đặng Cẩm Thạch	
43	KTĐT	CĐ	24	20221JC5195003	2	3	22	Thực hành điện tử cơ bản					2	1405A1			2	1405A1					Đặng Cẩm Thạch	
44	KTĐT	CĐ	24	20221JC5195001	3	4	24	Thực hành điện tử cơ bản	1	1401A1					1	1401A1					1	1401A1	Lê Mạnh Long	
45	KTĐT	CĐ	24	20221JC5195001	3	4	24	Thực hành điện tử cơ bản	2	1401A1					2	1401A1					2	1401A1	Lê Mạnh Long	
46	KTĐT	CĐ	24	20221JC5195001	1	4	22	Thực hành điện tử cơ bản					1	1404A1	1	1404A1							Hà Thị Phương	
47	KTĐT	CĐ	24	20221JC5195002	3	3	22	Thực hành điện tử cơ bản											1	1405A1			Phạm Xuân Thành	
48	KTĐT	CĐ	24	20221JC5195002	3	3	22	Thực hành điện tử cơ bản											2	1405A1			Phạm Xuân Thành	
49	KTĐT	CĐ	24	20221JC51954001	4	4	23	Thực hành điện tử cơ bản													1	1402A1	Vũ Thị Hoàng Yến	
50	KTĐT	CĐ	24	20221JC51954001	4	4	23	Thực hành điện tử cơ bản													2	1402A1	Vũ Thị Hoàng Yến	
51	KTĐT	CĐ	24	20221JC5195003	1	3	22	Thực hành điện tử cơ bản			1	1402A1											Phạm Thị Thanh Huyền	

TT	Bộ môn	Hệ	Khóa	Mã lớp	Tên nhóm	Tổng số nhó	SL HS-SV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - Phòng học														Giảng viên	Link học trực tuyến
									Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật			
52	KTĐT	CĐ	24	20221JC5195003	1	3	22	Thực hành điện tử cơ bản			2	1402A1											Phạm Thị Thanh Huyền	
53	KTĐT	CĐ	24	20221JC5195001	2	3	25	Thực hành điện tử cơ bản	2	1403A1													Đỗ Thị Ngọc Ánh	
54	KTĐT	CĐ	24	20221JC5195001	2	3	25	Thực hành điện tử cơ bản	3	1403A1			3	1404A1									Đỗ Thị Ngọc Ánh	
55	ĐTMT	ĐH	15	20221FE6047006				KTLT nhúng							1	1304A1							Dương Thị Hằng	
56	ĐTMT	ĐH	15	20221FE6047007,8				KTLT nhúng									2	1304A1					Dương Thị Hằng	
57	ĐTMT	CĐ	22	ĐTCN				Thi TH KTLT (L2)	1	1304A1													V.Dũng; Việt	
58	ĐTMT	ĐH	14	202210803146001	3	3	18	Hệ thống nhúng							1	1503A1							Phạm Văn Chiến	
59	ĐTMT	ĐH	14	202210803146002	3	3	20	Hệ thống nhúng							2	1503A1							Phạm Văn Chiến	
60	ĐTMT	ĐH	15	20221FE6044003	1	3	22	Vi xử lý và cấu trúc máy tính			2	1503A1											Phạm Văn Chiến	
61	ĐTMT	ĐH	15	20221FE6044003	2	3	22	Vi xử lý và cấu trúc máy tính					1	1503A1									Phạm Văn Chiến	
62	ĐTMT	ĐH	15	20221FE6044003	3	3	21	Vi xử lý và cấu trúc máy tính					2	1503A1									Phạm Văn Chiến	
63	ĐTVT	ĐH	15	20221FE6079007	3	3	21	Mạng máy tính và truyền thông											1	1304A1			Nguyễn Văn Cường	
64	ĐTMT	ĐH	14	202210803112001	2	3	29	KT ghép nối máy tính													1	1303A1	Nguyễn Văn Tùng	
65	ĐTMT	ĐH	14	202210803112002	2	3	29	KT ghép nối máy tính											2	1303A1			Nguyễn Văn Tùng	
66	ĐTMT	ĐH	14	202210803112002	1	3	29	KT ghép nối máy tính									1	1303A1					Nguyễn Văn Tùng	
67	ĐTMT	ĐH	14	202210803112002	3	3	29	KT ghép nối máy tính									2	1303A1					Nguyễn Văn Tùng	
68	ĐTMT	ĐH	14	20221FE6043002	2	3	22	Vi điều khiển nâng cao					1	1303A1									Nguyễn Văn Tùng	
69	ĐTMT	ĐH	14	20221FE6043002	3	3	22	Vi điều khiển nâng cao					2	1303A1									Nguyễn Văn Tùng	
70	ĐTMT	ĐH	14	20221FE6044005	1	3	22	Vi xử lý và cấu trúc máy tính			2	1303A1											Nguyễn Văn Tùng	
71	ĐTMT	ĐH	14	20221FE6044005	2	3	22	Vi xử lý và cấu trúc máy tính							1	1303A1							Nguyễn Văn Tùng	
72	ĐTMT	ĐH	14	20221FE6044005	3	3	22	Vi xử lý và cấu trúc máy tính							2	1303A1							Nguyễn Văn Tùng	
73	ĐTMT	ĐH	14	202210803184001	1	3	23	TH Kỹ thuật nhận dạng	1	1301A1													Nguyễn Thị Thu	
74	ĐTMT	ĐH	14	202210803184001	2	3	23	TH Kỹ thuật nhận dạng	2	1301A1													Nguyễn Thị Thu	
75	ĐTMT	ĐH	14	20221FE6007001	2	2	31	TH Đo lường ĐK bằng MT			2	1301A1											Nguyễn Thị Thu	
76	ĐTMT	ĐH	14	202210803184001	3	3	23	TH Kỹ thuật nhận dạng			1	1301A1											Nguyễn Thị Thu	
77	ĐTMT	ĐH	15	20221FE6044002	2	2	22	TH VXL & CTMT			1	1302A1											Nguyễn Anh Dũng	
78	ĐTMT	ĐH	15	20221FE6044002	3	2	22	TH VXL & CTMT			2	1302A1											Nguyễn Anh Dũng	

TT	Bộ môn	Hệ	Khóa	Mã lớp	Tên nhóm	Tổng số nhó	SL HS-SV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - Phòng học														Giảng viên	Link học trực tuyến
									Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật			
79	ĐTMT	ĐH	15	20221FE6044002	1	2	21	TH VXL & CTMT	2	1302A1													Nguyễn Anh Dũng	
80	ĐTMT	ĐH	14	20221FE6028001	1	3	25	Ngôn ngữ mô tả phần cứng					2	1302A1									Nguyễn Anh Dũng	
81	ĐTMT	ĐH	14	20221FE6028001	2	3	25	Ngôn ngữ mô tả phần cứng							1	1302A1							Nguyễn Anh Dũng	
82	ĐTMT	ĐH	14	20221FE6028001	3	3	27	Ngôn ngữ mô tả phần cứng							2	1302A1							Nguyễn Anh Dũng	
83	ĐTMT	ĐH	14	20221FE6028002	1	2	28	Ngôn ngữ mô tả phần cứng									1	1302A1					Nguyễn Anh Dũng	
84	ĐTMT	ĐH	14	20221FE6028002	2	2	28	Ngôn ngữ mô tả phần cứng									2	1302A1					Nguyễn Anh Dũng	
85	ĐTMT	ĐH	14	202210803157001	2	2	33	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động					1	1305A1									Phạm Thị Quỳnh Trang	
86	ĐTMT	ĐH	14	202210803157002	1	2	33	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động					2	1305A1									Phạm Thị Quỳnh Trang	
87	ĐTMT	ĐH	14	20221FE6034001	2	2	35	Thiết kế hệ thống nhúng	1	1305A1													Phạm Thị Quỳnh Trang	
88	ĐTMT	ĐH	14	202210803157003	1	2	33	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động									2	1305A1					Phạm Thị Quỳnh Trang	
89	ĐTMT	ĐH	14	20221FE6034001	1	2	35	Thiết kế hệ thống nhúng							1	1305A1							Phạm Thị Quỳnh Trang	
90	ĐTMT	ĐH	14	20221FE6034002	2	2	35	Thiết kế hệ thống nhúng	2	1305A1													Phạm Thị Quỳnh Trang	
91	ĐTMT	ĐH	14	202210803157001	2	2	33	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động			1	1305A1											Phạm Thị Quỳnh Trang	
92	ĐTMT	ĐH	14	202210803157002	2	2	33	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động											1	1305A1			Phạm Thị Quỳnh Trang	
93	ĐTMT	ĐH	15	20221FE6044009	2	3	24	TH VXL & CTMT							2	1304A1							Vũ Trung Kiên	
94	ĐTMT	ĐH	15	20221FE6044009	1	3	24	TH VXL & CTMT									1	1304A1					Vũ Trung Kiên	
95	ĐTMT	ĐH	15	20221FE6044010	1	2	26	TH VXL & CTMT											1	1302A1			Vũ Trung Kiên	
96	ĐTMT	ĐH	15	20221FE6044010	2	2	26	TH VXL & CTMT											2	1302A1			Vũ Trung Kiên	
97	KTĐT	ĐH	15	20221FE6049002	1	3	25	Thực hành xử lý tín hiệu số					1	1304A1									Phạm Xuân Thành	
98	KTĐT	ĐH	15	20221FE6049002	2	3	25	Thực hành xử lý tín hiệu số					2	1304A1									Phạm Xuân Thành	
99	KTĐT	ĐH	15	20221FE6049002	3	3	25	Thực hành xử lý tín hiệu số	2	1304A1													Phạm Xuân Thành	
100	ĐTCN	CĐ	22	20212JC5183004	1	2	20	Thực hành lập trình ứng dụng PLC và thiết kế màn hình giám sát HMI	1	304A7	1	304A7	1	304A7	1	304A7	1	304A7					Bùi Thị Thu Hà	
101	ĐTCN	CĐ	22	20212JC5183004	2	2	15	Thực hành lập trình ứng dụng PLC và thiết kế màn hình giám sát HMI	2	304A7	2	304A7	2	304A7	2	304A7	2	304A7					Bùi Thị Thu Hà	
102	ĐTCN	ĐH	14	202210803118001	1	3	24	TH Lập trình điều khiển PLC	1	1501A1													Hà Thị Kim Duyên	
103	ĐTCN	ĐH	14	202210803118001	2	3	24	TH Lập trình điều khiển PLC	2	1501A1													Hà Thị Kim Duyên	
104	ĐTCN	ĐH	14	202210803118001	3	3	24	TH Lập trình điều khiển PLC			1	1501A1											Hà Thị Kim Duyên	
105	ĐTCN	ĐH	14	20221FE6031006	1	3	21	SCADA			2	1501A1											Hà Thị Kim Duyên	
106	ĐTCN	ĐH	14	20221FE6031006	2	3	21	SCADA							1	1501A1							Hà Thị Kim Duyên	

TT	Bộ môn	Hệ	Khóa	Mã lớp	Tên nhóm	Tổng số nhó	SL HS-SV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - Phòng học														Giảng viên	Link học trực tuyến
									Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật			
107	ĐTCN	ĐH	14	20221FE6031006	3	3	21	SCADA							2	1501A1							Hà Thị Kim Duyên	
108	ĐTCN	ĐH	14	20221FE6006001	1	3	22	Điều khiển tự động công nghiệp					1	1501A1									Hà Thị Kim Duyên	
109	ĐTCN	ĐH	14	20221FE6006001	2	3	21	Điều khiển tự động công nghiệp					2	1501A1									Hà Thị Kim Duyên	
110	ĐTCN	ĐH	14	20221FE6006001	3	3	21	Điều khiển tự động công nghiệp									2	1501A1					Hà Thị Kim Duyên	
111	ĐTCN	CĐ	22	20212JC5109003	1	2	21	Điều khiển khí nén											1	1501A1			Hà Thị Kim Duyên	
112	ĐTCN	CĐ	22	20212JC5109003	2	2	21	Điều khiển khí nén											2	1501A1			Hà Thị Kim Duyên	
113	ĐTCN	ĐH	15	20221FE6033007	2	2	27	Thiết Bị Điện Tử Công Nghiệp							1	1504A1							Trương Thị Bích Liên	
114	ĐTCN	ĐH	15	20221FE6033006	2	3	20	Thiết Bị Điện Tử Công Nghiệp			1	1504A1											Trương Thị Bích Liên	
115	ĐTCN	ĐH	15	20221FE6033005	2	3	20	Thiết Bị Điện Tử Công Nghiệp			2	1504A1											Trương Thị Bích Liên	
116	ĐTCN	ĐH	15	20221FE6033004	2	3	22	Thiết Bị Điện Tử Công Nghiệp					1	1504A1									Trương Thị Bích Liên	
117	ĐTCN	ĐH	15	20221FE6033003	2	3	20	Thiết Bị Điện Tử Công Nghiệp					2	1504A1									Trương Thị Bích Liên	
118	ĐTCN	ĐH	15	20221FE6033008	2	3	22	Thiết Bị Điện Tử Công Nghiệp									1	1504A1					Trương Thị Bích Liên	
119	ĐTCN	ĐH	15	20221FE6033008	3	3	21	Thiết Bị Điện Tử Công Nghiệp									2	1504A1					Trương Thị Bích Liên	
120	ĐTCN	ĐH	15	20221FE6033008	3	3	22	Thiết Bị Điện Tử Công Nghiệp															Trương Thị Bích Liên	
121	ĐTCN	CĐ	15	20212JC5109002	1	2	19	Điều khiển khí nén	1	1504A1													Trương Thị Bích Liên	
122	ĐTCN	CĐ	22	20212JC5109002	2	2	19	Điều khiển khí nén	2	1504A1													Trương Thị Bích Liên	
123	ĐTCN	CĐ	22	20212JC5109002	3	3	20	Điều khiển khí nén											1	1504A1			Trương Thị Bích Liên	
124	ĐTCN	ĐH	15	20221FE6033002	1	2	31	TH Thiết Bị Điện Tử Công Nghiệp	1	1505A1	1	1505A1	1	1505A1	1	1505A1	1	1505A1					Nguyễn Tiến Kiệm	
125	ĐTCN	ĐH	15	20221FE6033002	2	2	31	TH Thiết Bị Điện Tử Công Nghiệp	2	1505A1	2	1505A1	2	1505A1	2	1505A1	2	1505A1					Nguyễn Tiến Kiệm	
126	ĐTVT	ĐH	14	2.02211E+14	2	2	33	Lập trình mạng					1	1601A1									Nguyễn Văn Cường	Buổi 4/5 - Cần phòng máy có Internet
127	ĐTVT	ĐH	15	20221FE6079009	3	3	21	Mạng máy tính và truyền thông					3	1601A1									Nguyễn Văn Cường	Buổi 6/6
128	ĐTVT	ĐH	14	2.02211E+14	3	3	22	Thông tin di động			1	1603A1											Lê Việt Tiến	5 tuần liên tiếp từ 7/11/2022
129	ĐTVT	ĐH	14	2.02211E+14	3	3	24	TH Kỹ thuật truyền số liệu	1	1602A1													Nguyễn Tuấn Anh	5 tuần liên tiếp từ 7/11/2022
130	ĐTVT	ĐH	14	2.02211E+14	3	3	24	TH Kỹ thuật truyền số liệu	2	1602A1													Nguyễn Tuấn Anh	5 tuần liên tiếp từ 7/11/2022
131	ĐTVT	ĐH	14	2.02211E+14	3	2	24	TH Kỹ thuật truyền số liệu			2	1601A1											Nguyễn Tuấn Anh	còn 1b bố trí tuần 13
132	ĐTVT	ĐH	15	20221FE60790010	1	3	25	Mạng máy tính và truyền thông									2	1602A1					Bùi Như Phong	
133	ĐTVT	ĐH	15	20221FE60790010	2	3	25	Mạng máy tính và truyền thông			2	1602A1											Bùi Như Phong	
134	ĐTVT	ĐH	15	20221FE60790010	3	3	22	Mạng máy tính và truyền thông											2	1602A1			Bùi Như Phong	
135	ĐTVT	ĐH	16	20221FE6050006	1	3	25	Kỹ thuật đo lường điện tử					2	1604A1									Bùi Như Phong	
136	ĐTVT	ĐH	16	20221FE6050006	2	3	25	Kỹ thuật đo lường điện tử							2	1604A1							Bùi Như Phong	
137	ĐTVT	ĐH	16	20221FE6050006	3	3	25	Kỹ thuật đo lường điện tử	2	1604A1													Bùi Như Phong	

TT	Bộ môn	Hệ	Khóa	Mã lớp	Tên nhóm	Tổng số nhó	SL HS-SV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - Phòng học												Giảng viên	Link học trực tuyến
									Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật			
138	ĐTVT	ĐH	14	2.02211E+14	1	3	24	Lọc thích nghi và tối ưu			1	1602A1											Đinh Thị Kim Phượng	5 tuần liên tiếp từ 11/11/2022
139	ĐTVT	ĐH	14	2.02211E+14	2	3	24	Lọc thích nghi và tối ưu							2	1602A1							Đinh Thị Kim Phượng	5 tuần liên tiếp từ 11/11/2022
140	ĐTVT	ĐH	14	2.02211E+14	3	3	24	Lọc thích nghi và tối ưu									1	1602A1					Đinh Thị Kim Phượng	5 tuần liên tiếp từ 21/11/2022
141	ĐTVT	ĐH	15	20221FE6084001	1	3	24	Cơ sở dữ liệu					1	1602A1									Đinh Thị Kim Phượng	5 tuần liên tiếp từ 31/10/2022
142	ĐTVT	ĐH	15	20221FE6084001	2	3	24	Cơ sở dữ liệu					2	1602A1									Đinh Thị Kim Phượng	5 tuần liên tiếp từ 07/11/2022
143	ĐTVT	ĐH	15	20221FE6079011	1	3	24	Mạng máy tính và truyền thông							1	1602A1							Bùi Thị Thu Hiền	B2
144	ĐTVT	ĐH	15	20221FE6079011	3	3	24	Mạng máy tính và truyền thông									1	1601A1					Bùi Thị Thu Hiền	B4
145	ĐTVT	ĐH	15	20221FE6079006	1	3	24	Mạng máy tính và truyền thông	2	1601A1													Bùi Thị Thu Hiền	B2
146	ĐTVT	ĐH	15	20221FE6079006	2	3	24	Mạng máy tính và truyền thông					1	1605A1									Bùi Thị Thu Hiền	B3
147	ĐTVT	ĐH	15	20221FE6079006	3	3	24	Mạng máy tính và truyền thông					2	1601A1									Bùi Thị Thu Hiền	B4
148	ĐTVT	CĐ	23	20221JC5199001	1	2	20	Kỹ thuật cảm biến									1	1603A1					Lê Việt Tiến	
149	ĐTVT	ĐH	14	2.02211E+14	1	2	64	Truyền thông đa phương tiện					2	1605A1									Vũ Việt Hưng	
150	ĐTVT	ĐH	14	2.02211E+14	2	2	64	Truyền thông đa phương tiện					3	1605A1	3	1605A1							Vũ Việt Hưng	
151	ĐTVT	ĐH	15	20221FE6079008	1	1	30	Mạng máy tính và truyền thông							2	1601A1							Tống Văn Luyên	
152	ĐTVT	ĐH	15	20221FE6089001	1	2	30	Chuyển mạch và định tuyến									1	1605A1					Tống Văn Luyên	
153	ĐTVT	ĐH	15	20221FE6089001	2	2	30	Chuyển mạch và định tuyến											2	1601A1			Tống Văn Luyên	